

Bản án số: 299/2019/HN-ST

Ngày: 02-7-2019

V/v Ly hôn D – T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung

Bà Trần Thị Kim Bình

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1997 nơi cư trú: Số 679, tổ 19, khóm MT phường VM, thành phố CD, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1991 nơi cư trú: tổ 19, ấp KM, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà và ông T do tìm hiểu quen biết một thời gian và được hai bên gia đình đồng ý nên ông bà kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa vào ngày 24/02/2017.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông T cờ bạc, nhậu nhẹt và đánh vợ con. Dù đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Thanh T.

Ông bà có 01 (một) con chung tên Lâm Thị Mỹ X, sinh ngày 22/11/2012, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà D được ly hôn với ông T. Giao con chung tên Lâm Thị Mỹ X, sinh ngày 22/11/2012 cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà D và ông T chung sống vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú do đó được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân hợp pháp. Nay do mâu thuẫn vợ chồng, bà D yêu cầu ly hôn, theo bà thì ông T cờ bạc, nhậu nhẹt, đánh đập vợ con và ông bà đã ly thân từ 12/7/2017 cho đến nay, từ khi ly thân ông T không liên lạc hay lui tới thăm nom vợ con. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương không biết được tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông T.

[2.4] Ông T và bà D là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã ly thân và không liên lạc hay qua lại thăm nom nhau. Nay bà D yêu cầu ly hôn và ông T cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia

đình. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà D với ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lâm Thị Mỹ X, sinh 22/11/2012. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu X và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, cháu X do bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ khi sinh cho đến nay, cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, hiện cháu chuẩn bị vào lớp 2 thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu X cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà D không có yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[2.7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Bà Phạm Thị D được ly hôn ông Lâm Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 ngày ngày 24/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa cấp giữa bà D và ông T không còn giá trị pháp lý.

Ông T và bà D có một con chung tên Lâm Thị Mỹ X, sinh 22/11/2012. Giao bà D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu X. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định.

Ông T và bà D không có tài sản chung, nợ chung.

Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010455 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Bà D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn